

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 123/2026/DS-ST
Ngày: 28-7-2026
V/v tranh chấp thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12, TỈNH AN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ngọc Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Thanh Nhân và bà Nguyễn Thị Kim Chi

-Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12, tỉnh An Giang.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12, An Giang tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Bạch Tuyết là Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 778/2024/TLST-DS ngày 18/11/2024 về việc “*Tranh chấp thừa kế tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 198/2026/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2026, quyết định hoãn phiên Tòa số 189/2026/QĐST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Bích H, sinh năm 1964.

Trú tại: số D, ấp T, xã P, tỉnh An Giang.

Số căn cước: 089164015248

Người đại diện hợp pháp của bà Lê Thị Bích H, ông Hồ Trung C, sinh năm 1970, số căn cước 089070000 301 có địa chỉ ấp L, xã L, tỉnh An Giang làm đại diện theo uỷ quyền, giấy uỷ quyền lập ngày 21/10/2024

Bị đơn:

Ông Lê Minh T, sinh năm 1962.

Trú tại: tổ D, ấp B, xã B, tỉnh An Giang.

Số căn cước: 089062010349.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Châu Khải M, sinh năm 1966.

Trú tại: ấp B, xã B, tỉnh An Giang.

2. Lê Quang T1, sinh năm 1940.

Trú tại: số A, đường B, phường T, tỉnh Khánh Hòa.

Số căn cước: 089040005215

3. Lê Thị Như Ý, sinh năm 1950.

Địa chỉ: tổ B, ấp B, xã B, tỉnh An Giang.

Số căn cước bà Như Ý: 089150000577

4. Lê Thị Kim E, sinh năm 1952.

Địa chỉ: tổ D, ấp B, xã B, tỉnh An Giang.

Số căn cước bà Kim E: 089152008861

5. Lê Thị Kim T2, sinh năm 1959.

Địa chỉ: tổ F, ấp P, xã C, tỉnh An Giang.

Số căn cước bà T2: 089159007585

Người đại diện hợp pháp của bà Như Ý, bà Kim E, Kim T2 và ông Lê Quang T1 do ông Hồ Trung C làm đại diện theo uỷ quyền, giấy uỷ quyền lập ngày 21/10/2024, ngày 22/10/2024.

6. Ông Phạm Quốc T3, sinh năm 1973.(con bà Như Ý)

Trú tại: tổ B, ấp B, xã B, tỉnh An Giang.

Số căn cước: 089073001599

7. Ông Lê Minh T4, sinh năm 1987(con ông T)

Số căn cước: 089087004519

Trú tại: tổ D, ấp B, xã B, tỉnh An Giang

(ông C, bà H, bà T2, ông T có mặt, các đương sự còn lại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các đơn khởi kiện quá trình tố tụng và lời khai của nguyên đơn bà Lê Thị Bích H do ông Hồ Trung C đại diện trình bày:

Ông Lê Trung H1 là anh ruột bà H, ông T, sinh thời ông H1 không có vợ con và có tạo lập một số tài sản sau: Một phần đất gò, hầm do Lê Trung H1 đứng tên

theo Giấy chứng nhận QSDĐ số 00465/QSDĐ/dC do UBND huyện P cấp ngày 12/11/1992, cập nhật biến động ngày 10/7/2015 có diện tích 2.016m², tờ bản đồ số 02(nay là thửa 159), số thửa 1944; 1945; 1946(nay là thửa 45, 46) đo đạc thực tế 2.138m². bà H yêu cầu công nhận theo di chúc ngày 08/7/2019 được Văn Phòng C1 chứng thực, nội dung cho bà H được hưởng phần đất ông H1 đứng tên theo Giấy chứng nhận QSDĐ có diện tích 2.016m² đo đạc thực tế 2.138m² đất tại xã B, tỉnh An Giang, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà H đang giữ.

Một phần đất ở, trồng cây hàng năm do Lê Trung H1 đứng tên theo Giấy chứng nhận QSDĐ số vào sổ CS05038 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A cấp ngày 24/6/2022, có diện tích 1.027,8m², tờ bản đồ số 42, số thửa 39. Đất tại xã B, huyện P, tỉnh An Giang. Bà H yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật thành 06 phần bằng nhau, bà H nhận đất hoàn lại giá trị cho các thừa kế còn lại. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà H đang giữ

Một phần đất trồng cây hàng năm do Lê Trung H1 đứng tên theo Giấy chứng nhận QSDĐ số CH02635 do UBND huyện P cấp, có diện tích 1.981m², tờ bản đồ số 80, số thửa 99. Đất tại xã B, tỉnh An Giang nhưng đo đạc thực tế chỉ còn 1.979m², các đương sự thống nhất diện tích đo đạc thực tế, không có ý kiến và yêu cầu đối với diện tích đất giảm. Nguyên đơn bà H yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật thành 06 phần bằng nhau, bà H nhận đất hoàn lại giá trị cho các thừa kế còn lại. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông T đang giữ

Bị đơn ông Lê Minh T trình bày tại biên bản hoà giải ngày 12/01/2026:

Ông là em ruột của ông Lê Trung H1(tự 10 H1) là anh ruột của bà Lê Thị Bích H. Cha mẹ ông là Lê Văn T5(chết năm 2006) và Trần Thị H2(chết năm 1991). Cha mẹ sinh được 08 người con: Lê Quang T1, sinh năm 1940; Lê Thị Như Ý, sinh năm 1950; Lê Thị Kim E, sinh năm 1952; Lê Thị Kim T2, sinh năm 1959; Lê Minh T, sinh năm 1962; Lê Thị Bích H, sinh năm 1964; Lê Trung H1, sinh năm 1957(chết năm 2022) và Lê Thị H3, sinh năm 1939(chết năm 2012). Ông H1 chết không có vợ con. Ngoài các anh em kể trên thì ông H1 không có vợ, con riêng hay con chung với ai.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn bà H yêu cầu chia ba diện tích đất trên, ông T trình bày như sau:

Đối với phần đất gò, hằm diện tích 2.016m² bà H yêu cầu Toà án công nhận theo di chúc, ông T không đồng ý, vì nguồn gốc đất là của cha mẹ, khi cha mẹ chết các anh em thống nhất cho ông T đứng tên nhưng không biết lý do vì sao ông H1 đứng tên, yêu cầu Toà án công nhận phần đất này cho ông, để ông T làm đất hương quả, hiện tại trên đất có mồ mã cha mẹ và anh H1, quá trình canh tác sử dụng ông T có tôn tạo phần đất này nhưng ông không đồng ý chia, nên không yêu cầu trả lại tiền tôn tạo, giữ gìn cho ông, hiện tại trên đất ông T trồng rẫy để có rau ăn hàng ngày. *Đối với phần đất diện tích 1.981m² đo thực tế còn 1.979m²* bà H yêu cầu chia thừa kế làm 06 phần bằng nhau, bà nhận hiện vật, hoàn tiền lại cho các thừa kế khác, ông T thống nhất phần diện tích đất này là của ông H1 để lại, phần đất thiếu khi đo đạc ông T không có ý kiến và yêu cầu gì, Đồng ý chia thừa kế theo pháp luật thành 06 phần bằng nhau, đồng ý cho bà H nhận hiện vật hoàn giá trị cho các thừa kế khác, diện tích đất hiện do ông Châu Khải M đang quản lý. *Phần diện tích 1.027,8m² thống nhất do ông H1 đứng tên* (nhưng ông H1 chỉ đại diện đứng tên dùm), ông không đồng ý theo yêu cầu bà H yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật vì theo di chúc ông H1 để lại ngày 10/02/2011 dl thì phần đất này chia làm hai phần, một phần cho Phạm Quốc T3(con chị 4 Ý), phần đất còn lại một phần 5,5m chiều ngang dài hết đất cho Lê Minh T4(con trai ông T, hiện đang sống chung nhà với ông T nhưng hiện tại đi làm xa).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Lê Quang T1, bà Lê Thị Như Ý, bà Lê Thị Kim E, bà Lê Thị Kim T2 do ông C đại diện trình bày:

Thống nhất 03 diện tích đất trên nguồn gốc đất là của cha mẹ nhưng cha mẹ khi còn sống có cho anh Lê Trung H1 đứng tên. Thống nhất cha mẹ sinh được 08 người con nhưng hiện tại chỉ còn 06 người như bà H, ông T trình bày.

Phần diện tích đất gò hằm diện tích 2.016m² thống nhất theo yêu cầu của bà H, yêu cầu Toà án công nhận theo di chúc của anh Lê Trung H1 giao toàn bộ diện tích đất trên cho bà H. phần đất diện tích 1.981m² đo thực tế còn 1.979m² thông nhất chia thừa kế làm 06 phần bằng nhau, thống nhất giao cho bà H nhận hiện vật, bà H hoàn lại giá trị cho các thừa kế khác trong đó có ông T. Phần diện tích đất 1.027,8m² thống nhất di sản của ông H1 để lại chia làm 06 phần bằng nhau, đồng ý cho bà H nhận hiện vật, bà H hoàn lại giá trị cho các thừa kế khác. Di chúc ông T

cung cấp chúng tôi không biết và cũng không có ý kiến gì.

Ông Lê Quang T1, bà Lê Thị Như Ý, Lê Thị Kim E, Lê Thị Kim T2 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Biên bản lấy lời khai ngày 06/12/2024 ông Châu Khải M trình bày:

Việc tranh chấp thừa kế giữa bà H, ông T như thế nào ông M không biết và không có ý kiến, khi ông H1 còn sống giữa ông H1 và ông M có lập tờ cổ đất bằng giấy tay lâu quá không nhớ ngày tháng năm, số tiền cổ đất là 10 chỉ vàng 24kra, diện tích đất cổ là đất cò(ông M sẽ cung cấp giấy tờ cổ đất cho Tòa án sau). Ông M đồng ý trả lại đất nếu các thừa kế ông H1 trả lại ông M 10 chỉ vàng 24kra, ông M không có ý kiến và yêu cầu gì khác, hiện tại đất cổ ông M đang quản lý, ông M sẽ làm đơn khởi kiện yêu cầu độc lập và đóng tạm ứng án phí đối với yêu cầu của ông, nếu ông M không làm đơn khởi kiện coi như ông M không có yêu cầu, hiện ông bận công việc, không thường xuyên có mặt ở nhà xin được vắng mặt trong các lần Tòa án mời hoà giải, công khai chứng cứ, đối chất cho đến khi vụ án được xét xử xong.

Biên bản lấy lời khai ngày 05/02/2026 ông Phạm Quốc T3 trình bày:

Ông T3 là con đẻ của bà Lê Thị Như Ý ông đang sinh sống chung nhà và cùng địa chỉ của bà Như Ý, ông T3 là cháu ngoại của ông Lê Văn T5, bà Trần Thị H2. Ông, bà ngoại có 08 người con Lê Quang T1, Lê Thị Như Ý, Lê Thị Kim E, Lê Thị Kim T2, Lê Minh T, Lê Thị Bích H, Lê Trung H1, sinh năm 1957(chết năm 2022) và bà Lê Thị H3, sinh năm 1939(chết năm 2012), sinh thời ông Lê Trung H1 độc thân không có vợ, con riêng hay con chung với ai. Ông T3 có nhận các thông báo, quyết định của Tòa án. Đối với hai phần diện tích đất 1.981m², thửa đất số 99 và diện tích đất 2.016m², thửa đất số 1944, 1945, 1946 do ông H1 đứng tên ông T3 không có ý kiến và yêu cầu gì. Đối với phần diện tích đất 1.028m² ông T3 cung cấp “bản dự thảo DI CHỨC” của ông Lê Trung H1 để lại ngày 10/02/2011 thì ông T3 có ý kiến như sau, nếu Tòa án xét di chúc đó hợp pháp thì nên công nhận di chúc và thực hiện theo di ngôn của chết để lại. Những phần còn lại không liên quan đến ông T3, ông không có ý kiến. Do hiện tại ông T3 đi làm xa không thường xuyên có mặt ở nhà, xin được vắng mặt trong các lần Tòa án mời làm việc, công khai chứng cứ cho đến khi vụ án được xét xử xong.

Ông Lê Minh T4 vắng mặt từ khi Tòa án thụ lý nên không có lời trình bày.

Tại phiên Tòa Ông Hồ Trung C đại diện uỷ quyền của bà H, bà Như Ý, Kim E, Kim T2 và ông Lê Quang T1 giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật các tài sản của ông H1 gồm diện tích 1.027,8m² ; diện tích 1.981m² đo đạc thực tế 1.979m² yêu cầu chia thừa kế làm 06 phần bằng nhau, bà H nhận hiện vật, hoàn giá trị kỷ phần cho các thừa kế. Diện tích đất 2.016m² thửa đất số 1944, 1945, 1946 nay là thửa số 45, 46 có diện tích 2.138m² bà H yêu cầu được hưởng theo di chúc ngày 08/7/2019 tại văn phòng C1 toàn bộ.

Phần diện tích đất giảm tại thửa 99, tờ bản đồ số 80 từ 1.981m² - 1.979m² = **2m** bà H thống nhất diện tích đất giảm, không có ý kiến và yêu cầu gì.

Theo sơ đồ hiện trạng khu đất diện tích 1.027,8m² có căn nhà gỗ tại các điểm 11,12,13,14,15,18 có diện tích 34,7m² do ông H1 xây cất nhưng hiện tại đã mục nát, không còn giá trị sử dụng, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này, nếu có yêu cầu sẽ khởi kiện trong vụ án dân sự khác. Đối với trại gỗ có diện tích 6,9m² tại các điểm 17,18,19,20 sơ đồ hiện trạng khu đất diện tích 2.016m² do ông T xây cất, bà H không có ý kiến và yêu cầu gì. Về chi phí xem xét thẩm định, định giá, đo đạc bà H tự nguyện chịu cho các đồng thừa kế, không yêu cầu hoàn lại.

Bị đơn ông T trình bày: thống nhất hàng thừa kế thứ 2 của ông H1 như bà H trình bày, đối với yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn ông T không đồng ý, vì nguồn gốc đất là của cha mẹ không phải của ông H1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ theo các 609, 611, 613, 623, 624, 625, 626, 627, 628, 630, 635, 641, 643, 649, 651, 688 Bộ luật dân sự 2015, đề nghị tuyên xử:

- Công nhận di sản của ông Lê Trung H1 để lại gồm:

+ Giấy chứng nhận QSDĐ số 00465/QSDĐ/dC do UBND huyện P cấp ngày 12/11/1992, cập nhật biến động ngày 10/7/2015 có diện tích 2.016m², tờ bản đồ số

02, số thửa 1944; 1945; 1946. Theo sơ đồ hiện trạng khu đất ngày 20/3/2026 thì thửa đất số 1944, 1945, 1946 được đổi thành thửa số 45, 46 có diện tích 2.138m². Đất tại xã B, huyện P, tỉnh An Giang; Giấy chứng nhận QSDĐ số bìa DE747151, sổ vào sổ CS05038 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A cấp ngày 24/6/2022, có diện tích 1.027,8m², tờ bản đồ số 42, số thửa 39. Đất tại xã B, huyện P, tỉnh An Giang; Giấy chứng nhận QSDĐ số CH02635 do UBND huyện P cấp, có diện tích 1.981m², tờ bản đồ số 80, số thửa 99, đo đạc thực tế 1.979m². Đất tại xã B, tỉnh An Giang. Xác định hàng thừa kế thứ hai của ông Lê Trung H1 gồm: Lê Quang T1, sinh năm 1940; 2. Lê Thị Như Ý, sinh năm 1950; 3. Lê Thị Kim E, sinh năm 1952; 4. Lê Thị Kim T2; sinh năm 1959; 5. Lê Minh T, sinh năm 1962; 6. Lê Thị Bích H, sinh năm 1964; Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Bích H;

+ Công nhận di chúc đề ngày 08/7/2019 được Văn Phòng C1 chứng thực theo Giấy chứng nhận QSDĐ số 00465/QSDĐ/dC ngày 12/11/1992 có diện tích 2.016m² thửa đất số 1944, 1945, 1946 đổi thành thửa số 45, 46 đo đạc thực tế có diện tích 2.138m², đất tại xã B, tỉnh An Giang cho bà Lê Thị Bích H. Ông T phải giao lại diện tích đất trên cho bà H quản lý, sử dụng.

+ Chia thừa kế theo pháp luật đối với diện tích đất 1.027,8m² và diện tích đất 1.981m², thửa đất số 99, đo đạc thực tế còn 1.979m² thành 06 phần bằng nhau cho bà H, ông T, ông T1, bà Ý, bà Kim E, bà T2; bà H được nhận hiện vật, bà H có trách nhiệm hoàn lại giá trị cho các thừa kế còn lại. Ông T phải giao lại diện tích 1.027,8m² cho bà H quản lý, sử dụng; Ông Châu Khải M phải giao lại diện tích đất 1.979m² cho bà H, quản lý, sử dụng. Giành quyền khởi kiện cho ông Châu Khải M liên quan đến hợp đồng cổ đất giữa ông M và ông H1 đối với diện tích đất 1.979m² trong vụ kiện khác khi có yêu cầu.

Bà H được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

- Đình chỉ yêu cầu đối với 2m² đất thuộc diện tích 1.981m².

- Về án phí và chi phí tố tụng: Ông H, ông T, ông T1, bà Ý, bà Kim E, bà T2 có đơn xin miễn án phí và là người cao tuổi thuộc trường hợp miễn án phí nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Về chi phí tố tụng bà H tự nguyện chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Người khởi kiện bà Lê Thị Bích H nộp đơn khởi kiện ngày 24/7/2024 xác định người bị kiện là ông Lê Minh T và ông Châu Khải M, ngày 15/01/2026 bà H xác định lại nội dung yêu cầu khởi kiện, bà H chỉ yêu cầu đối với ông Lê Minh T không yêu cầu gì đối với ông Châu Khải M nhưng hiện tại một trong các diện tích đất tranh chấp ông M đang giữ, vì thế Hội đồng xét xử xác định ông Lê Minh T tham gia tố tụng với tư cách là bị đơn, ông Châu Khải M với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế đối với bị đơn các đương sự và đất tranh chấp đều ở tại xã B, tỉnh An Giang nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là chia thừa kế tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12- An Giang theo quy định tại khoản 3, khoản 5 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về sự vắng mặt của các đương sự:* người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Quốc T3, ông Châu Khải M có yêu cầu xét xử vắng mặt, ông Lê Minh T4 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Châu Khải M cho rằng có cổ đất của ông Lê Trung H1 10 chỉ vàng 24kra nhưng ông M không thực hiện việc nộp đơn yêu cầu độc lập về hợp đồng cầm cố đất. Vì thế, Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu của ông M là phù hợp với quy định tại Điều 201, 202 Bộ luật tố tụng dân sự, ông M có quyền khởi kiện các thừa kế của ông H1 trong vụ án dân sự khác về hợp đồng cầm cố đất nếu có yêu cầu.

[2] Về nội dung:

2.1 Xét về hàng thừa kế và di sản thừa kế: Nguyên đơn, bị đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng thống nhất nguồn gốc các diện tích đất tranh chấp là của cha, mẹ là ông Lê Văn T5 (chết năm 2006) và mẹ bà Trần Thị H2 (chết năm 1991). ông bà có 08 người con gồm Lê Quang T1, Lê Thị Như Ý, Lê Thị Kim E, Lê Thị Kim T2, Lê Minh T, Lê Thị Bích H, Lê Trung H1, sinh năm 1957 (chết năm 2022); Lê Thị H3, sinh năm 1939 (chết năm 2012), sinh thời ông T5, bà H2 cho ông H1 và ông H1 đã được đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cùng thống nhất Lê Trung H1 chết ngày 06/10/2022 nhưng đăng ký khai tử ngày 12/10/2022,

ông H1 chết không có vợ, con đẻ, con nuôi nào khác. Di sản của ông H1 để lại gồm diện tích đất 2.016m² loại đất gò hàm, tờ bản đồ số 02, thửa 1944, 1945, 1946 nay đổi thành thửa 45, 46 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00465QSDĐ/Dc ngày 12/11/1992 đo đạc thực tế 2.138m².

Diện tích đất 1.027,8m² loại đất ở, trồng cây hàng năm tờ bản đồ số 42, thửa 39 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS05038 do Sở Tài nguyên và Môi Trường tỉnh A cấp ngày 24/6/2022

Diện tích đất 1.981m² loại trồng cây hàng năm tờ bản đồ số 80, thửa 99, đo đạc thực tế còn 1.979m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02336 do Ủy ban nhân dân huyện P(nay là xã P) tỉnh An Giang cấp ngày 09/12/2016

Căn cứ quy định tại Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015, xác định hàng thừa kế thứ hai của ông H1 gồm ông Lê Quang T1, bà Lê Thị Như Ý, bà Lê Thị Kim E, bà Lê Thị Kim T2, ông Lê Minh T và bà Lê Thị Bích H.

2.2 Xét về yêu cầu công nhận di chúc của nguyên đơn: Di chúc ngày 08/7/2019 do ông Lê Trung H1 lập tại Văn phòng C1 với nội dung ông H1 là chủ sử dụng quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 622571, sổ vào sổ 00465 QSDĐ/dC do UBND huyện P cấp ngày 12/11/1992(cập nhật biến động ngày 10/7/2015) đứng tên ông Lê Trung H1, thửa đất số 1944, 1945, 1946 tờ bản đồ số 02 diện tích đất 2.016m², loại đất gò, hàm đất tọa lạc xã B, huyện P(nay là xã P) tỉnh An Giang. Sau khi ông H1 chết thì bà Lê Thị Bích H, sinh năm 1964 được toàn quyền thừa hưởng, sử dụng và định đoạt. Những người thừa kế của ông H1 gồm Lê Quang T1, Lê Thị Như Ý, Lê Thị Kim E, Lê Thị Kim T2 và Lê Thị Bích H đều xác định thời điểm lập di chúc thì ông H1 hoàn toàn minh mẫn, quá trình tố tụng bị đơn ông T cho rằng sau khi cha mẹ chết thì các anh em thống nhất cho ông T đứng tên diện tích 2.016m², không hiểu lý do vì sao ông H1 lại đứng tên. Trong khi cha mẹ ông H1 là ông T5 (chết năm 2006) và bà H2 (chết năm 1991), giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông H1 được cấp năm 1992 thời điểm cha ông T5 còn sống nên lời khai của ông T là không có căn cứ và không có cơ sở chấp nhận mặc khác bị đơn ông T chỉ yêu cầu được giữ phần đất diện tích 2.016m² để làm đất hương quả, ông T không có ý kiến và yêu cầu phản đối gì đối với bản di chúc ngày 08/7/2019 của

ông H1, quá trình sử dụng đất ông T có giữ gìn tôn tạo đất nhưng không yêu cầu hoàn trả giá trị nên không xem xét giải quyết.

Ông H1 lập di chúc bằng văn bản, di chúc được lập tại tổ chức hành nghề công chứng có xác nhận của công chứng viên là phù hợp quy định tại Điều 627, Điều 636, 637 Bộ luật dân sự năm 2015.

Và theo quy định tại khoản 1 Điều 630 Bộ luật Dân sự 2015 quy định: “1. Di chúc được coi là hợp pháp phải có đủ các điều kiện sau đây: a) Người lập di chúc minh mẫn, sáng suốt trong khi lập di chúc; không bị lừa dối, đe dọa hoặc cưỡng ép; b) Nội dung di chúc không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội; hình thức di chúc không trái quy định của pháp luật”.

Căn cứ vào quy định của pháp luật, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được Hội đồng xét xử nhận định như trên, Hội đồng xét xử thấy rằng thời điểm lập di chúc ông Lê Trung H1 vẫn minh mẫn, sáng suốt; việc lập di chúc được thực hiện một cách tự nguyện; nội dung di chúc không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội; hình thức di chúc không trái quy định của pháp luật. Do đó có cơ sở xác định di chúc ngày 08/07/2019 của ông Lê Trung H1 là di chúc hợp pháp và có hiệu lực pháp luật nên có căn cứ công nhận quyền sử dụng diện tích đất 2.016m² đo đạc thực tế là 2.138m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00465 QSDĐ/dC do UBND huyện P cấp ngày 12/11/1992(cập nhật biến động ngày 10/7/2015) đứng tên ông Lê Trung H1, thửa đất số 1944, 1945, 1946 tờ bản đồ số 02 diện tích đất 2.016m², loại đất gò, hàm đất tọa lạc xã B, huyện P(nay là xã P) tỉnh An Giang cho bà Lê Thị Bích H theo nội dung di chúc, đất hiện do ông T đang quản lý nên cần phải buộc ông T trả lại diện tích đất trên cho bà H, gắn liền diện tích đất trên hiện có các phần mộ của gia đình. Đây là yếu tố cần được tôn trọng và bảo vệ. Vì vậy, mặc dù công nhận quyền sử dụng đất cho người được hưởng di sản theo di chúc, Hội đồng xét xử xác định bà H phải có trách nhiệm bảo đảm việc quản lý, sử dụng đất không xâm phạm các phần mộ; việc cải tạo, xây dựng hoặc di dời mộ (nếu có) phải được thực hiện theo quy định của pháp luật và bảo đảm quyền thăm nom, chăm sóc mồ mả của các thừa kế khác và phù hợp với phong tục tập quán cũng như truyền thống người Việt Nam và đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Bộ luật dân sự năm 2015.

Đối với trại gỗ tạm có diện tích 6,9m² tại các điểm 17, 18, 19, 20 gắn liền trên đất theo sơ đồ hiện trạng khu đất ngày 20/3/2026 do ông T xây cất và các bên không có tranh chấp nên không xem xét giải quyết.

Bà H có quyền, nghĩa vụ liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký biến động đất đai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với đất được chia thừa kế. Các di sản còn lại của ông Lê Trung H1 không được phân định trong di chúc sẽ được chia thừa kế theo pháp luật.

2.3 Về yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật:

Hội đồng xét xử xác định di sản của ông H1 chết để lại chưa chia gồm: Diện tích đất 1.027,8m² loại đất ở, trồng cây hàng năm tờ bản đồ số 42, thửa 39 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS05038 do Sở Tài nguyên và Môi Trường tỉnh A cấp ngày 24/6/2022. Diện tích đất 1.981m² loại trồng cây hàng năm tờ bản đồ số 80, thửa 99, đo đạc thực tế còn 1.979m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02336 do Ủy ban nhân dân huyện P(nay là xã P) tỉnh An Giang cấp ngày 09/12/2016, thửa số 99 diện tích đất giảm 2m² các đương sự thống nhất, vì thế HĐXX xác định di sản thừa kế của ông H1 để lại tại thửa số 39 tờ bản đồ số 42 diện tích đất là 1.027,8m² và tại thửa số 99 diện tích đất là 1.979m² theo hiện trạng đo đạc thực tế.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cùng thống nhất ông H1 không có vợ, con đẻ, con nuôi nào khác. Cha mẹ ông H1 là ông Lê Văn T5 chết năm 2005, mẹ là bà Trần Thị H2 chết 1991, cha mẹ ông H1 chết trước khi ông H1 chết, Căn cứ quy định tại Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015, xác định hàng thừa kế thứ hai của ông H1 gồm ông Lê Quang T1, bà Lê Thị Như Ý, bà Lê Thị Kim E, bà Lê Thị Kim T2, ông Lê Minh T và bà Lê Thị Bích H.

[2.3] Về phân chia di sản thừa kế

Đối với diện tích đất 1.981m² loại trồng cây hàng năm tờ bản đồ số 80, thửa 99, đo đạc thực tế còn 1.979 m² các đương sự thống nhất chia thừa kế theo pháp luật thành 06 phần bằng nhau, bà H nhận hiện vật hoàn giá trị cho các thừa kế khác, diện tích đất có giá là 60.000 đồng/m² tổng cộng 118.740.000 đồng, mỗi kỹ phần trị giá 19.790.000 đồng. Bà H có nghĩa vụ hoàn lại giá trị kỹ phần thừa kế cho những người thuộc hàng thừa kế thứ hai của ông H1 gồm Lê Quang T1, bà Lê Thị Như Ý, bà Lê

Thị Kim E, bà Lê Thị Kim T2, ông Lê Minh T mỗi người nhận 19.790.000đồng, đất hiện tại do ông Châu Khải M đang quản lý nên cần buộc ông M trả lại diện tích đất trên cho bà H.

Diện tích đất 1.027,8m² nguyên đơn bà H yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật thành 6 phần bằng nhau, bà H nhận hiện vật hoàn lại giá trị cho các thừa kế khác. Tuy nhiên bị đơn ông T không đồng ý theo yêu cầu của bà H, yêu cầu chia theo di chúc của ông H1 lập ngày 10/02/2011dl trong đó phần đất nêu trên một phần ông H1 cho Phạm Quốc T3 (con bà Lê Thị Như Ý) một phần cho ông Lê Minh T4 (con trai ông T). Tuy nhiên, xét về nội dung và hình thức di chúc, tiêu đề ghi “*Bản dự thảo (DI CHỨC)*” đồng nghĩa di chúc chưa chính thức hơn nữa nội dung có nhiều chữ bị bôi xóa, cuối di chúc có chữ ký và ghi họ tên của ông Lê Trung H1 ghi là người viết bản dự thảo. Cho nên xét về di chúc nêu trên là không hợp pháp và không phát sinh hiệu lực ngay từ thời điểm lập di chúc. Nên cần chấp nhận yêu cầu của bà H chia diện tích đất trên thành 6 phần bằng nhau.

Theo kết luận định giá ngày 25/3/2025 thì đất ở nông thôn có giá 600.000 đồng/m² x 600m² = 360.000.000 đồng/6 = 60.000.000 đồng và đất cây lâu năm có giá 70.000 đồng/m² x 427,8m² = 29.946.000 đồng/6 = 4.991.000 đồng; tổng cộng là 389.946.000 đồng/6 = mỗi kỹ phần được nhận là 64.991.000 đồng. Bị đơn ông T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều có chỗ ở và sinh sống tại nơi khác nên việc nhận giá trị cũng phù hợp với ý chí, nguyện vọng và có lợi cho họ. Hội đồng xét xử quyết định giao di sản thừa kế tại thửa 39 là hiện vật cho bà H quản lý, sử dụng, bà H có nghĩa vụ hoàn lại giá trị kỹ phần thừa kế cho những người thuộc hàng thừa kế thứ hai của ông H1 gồm Lê Quang T1, bà Lê Thị Như Ý, bà Lê Thị Kim E, bà Lê Thị Kim T2, ông Lê Minh T mỗi người nhận 64.991.000đồng

Đối với căn nhà gỗ có diện tích 34,7m² tại các điểm 11,12,13,14,15,18 gắn liền trên đất theo sơ đồ hiện trạng khu đất ngày 11/6/2026 do ông H1 xây cất và các bên không có tranh chấp nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí, chi phí tố tụng:

Nguyên đơn tự nguyện chịu tiền chi phí đo đạc 5.272.352 đồng và chi phí xem xét thẩm định, định giá 2.000.000 đồng, tổng cộng 7.272.352đồng (đã nộp xong).

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật. Tuy nhiên Lê Quang T1, bà Lê Thị Như Ý, bà Lê Thị Kim E, bà Lê Thị Kim T2, ông Lê Minh T và bà Lê Thị Bích H là người cao tuổi có đơn xin miễn phí nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3, 5 Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 1, 2 Điều 244, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 627, Điều 636, Điều 637, khoản 1 Điều 630, Điều 650, Điều 651, Điều 660 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 12, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với diện tích đất giảm 2m² tại thửa đất số 99 thuộc diện tích đất 1.981m².

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Bích H

Công nhận Di chúc ngày 08/07/2019 của ông Lê Trung H1 cho bà Lê Thị Bích H được hưởng di sản thừa kế của ông Lê Trung H1 là 2.016m² đo đạc thực tế 2.138m². Diện tích đất thuộc các điểm 1 đến 13 thửa số 45, 46 tờ bản đồ số 159, hiện trạng thửa đất 45 loại đất NTS có diện tích 472m², thửa đất 46 loại đất HNK có diện tích 1666m² chồng ghép hệ thống bản đồ nông nghiệp 22 cũ thuộc tờ 02 thửa đất 1944, 1945 đã cấp cho ông Lê Trung H1 số vào sổ 00465/dC cấp ngày 12/11/1999 tại văn phòng C1.

(Bản trích đo hiện trạng sử dụng đất ngày 20/3/2026 của Văn phòng Đ Chi nhánh Khu vực Liên Xã P là một phần của Bản án, không thể tách rời Bản án)

Bà Lê Thị Bích H có trách nhiệm liên hệ cơ quan có thẩm quyền thực hiện thủ tục sang tên đối với những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận theo quy định của pháp luật. Đối với các khoản tiền thuế và chi phí phát sinh điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất sẽ do bà Lê Thị Bích H chịu trách nhiệm nộp. Buộc ông Lê Minh T phải giao lại diện tích đất trên cho bà H quản lý, sử dụng.

Xác định di sản thừa kế của ông Lê Trung H1 là diện tích 1.981m² loại trồng cây hàng năm tờ bản đồ số 80, thửa 99, đo đạc thực tế còn 1.979 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02336 do UBND huyện P (nay là xã P) cấp ngày ngày 09/12/2016 và diện tích đất 1.027,8m² tờ bản đồ số 42 thửa số 39 cùng tọa lạc xã B, huyện P, An Giang(nay là xã P, tỉnh An Giang) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS05038 ngày 24/6/2022 do ông Lê Trung H1 đứng tên. tổng trị giá: 508.686.000đồng. Di sản ông H1 được chia làm 06 kỷ phần, mỗi kỷ phần được 84.781.000.đồng.

Phân chia di sản thừa kế như sau:

Giao bà Lê Thị Bích H được quản lý, sử dụng diện tích 1.981m² loại trồng cây hàng năm tờ bản đồ số 80, thửa 99, đo đạc thực tế còn 1.979 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02336 do UBND huyện P(nay là xã P) cấp ngày ngày 09/12/2016, buộc ông Châu Khải M phải giao lại diện tích đất trên cho bà H quản lý, sử dụng. Buộc ông Lê Minh T có nghĩa vụ giao lại lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02336 do UBND huyện P(nay là xã P) cấp ngày ngày 09/12/2016, do ông Lê Trung H1 đứng tên để bà Lê Thị Bích H liên hệ cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh biến động của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận theo quy định của pháp luật; Đối với các khoản tiền thuế và chi phí phát sinh điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất sẽ do bà H chịu trách nhiệm nộp

Giao cho bà Lê Thị Bích H được quản lý, sử dụng diện tích đất 1.027,8m² tờ bản đồ số 42 thửa số 39 cùng tọa lạc xã B, huyện P, An Giang(nay là xã P, tỉnh An Giang) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS05038 ngày 24/6/2022 do ông Lê Trung H1 đứng tên theo Sơ đồ hiện trạng khu đất của Văn phòng Đ chi nhánh P lập ngày 16/04/2025. buộc ông Lê Minh T phải giao lại diện tích đất trên cho bà H quản lý, sử dụng

(Các điểm giới hạn diện tích nêu trên được thể hiện tại Sơ đồ hiện trạng khu đất của Văn phòng Đ chi nhánh P lập ngày 16/4/2025).

Bà H có nghĩa vụ hoàn lại kỷ phần thừa kế cho ông Lê Quang T1, bà Lê Thị Như Ý, bà Lê Thị Kim E, bà Lê Thị Kim T2, ông Lê Minh T mỗi người nhận số tiền 84.781.000.đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

6. Về án phí, chi phí tố tụng:

Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng là 7.272.352 đồng (đã nộp xong).

Ông Lê Quang T1, bà Lê Thị Như Ý, bà Lê Thị Kim E, bà Lê Thị Kim T2, ông Lê Minh T và bà Lê Thị Bích H phải chịu án phí dân sự đối với kỷ phần được nhận nhưng ông bà là người cao thuộc trường hợp miễn nộp tiền tạm ứng án phí và án phí theo quy định tại điều 12 nghị quyết 326 nên các ông bà không phải chịu.

7. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng đương sự vắng mặt, thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Thi hành án dân sự Tỉnh An Giang;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Ngọc Thảo